

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ T
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 28/2022/DS-ST
Ngày: 29/9/2022
V/v Tranh chấp hợp đồng dân
sự, vay tài sản.

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ T, TỈNH AN GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thùy Dương.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Quốc Dũng;
2. Bà Nguyễn Thị Kiều Trang.

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Huyền Trang - Thư ký Tòa án nhân dân thị xã T, tỉnh An Giang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã T, tỉnh An Giang tham gia phiên tòa: Ông Trần Huy Cường - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 9 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã T xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 17/2022/TLST-DS ngày 23/02/2022 về việc “*Tranh chấp hợp đồng dân sự, vay tài sản*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 107/2022/QĐXXST-DS ngày 17 tháng 08 năm 2022; Quyết định hoãn phiên tòa số 86/2022/QĐST-DS ngày 09/09/2022, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ngân hàng TMCP S (Sbank) (gọi tắt là Ngân hàng); Địa chỉ: Số 266-268, đường A, phường B, Quận C, thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo pháp luật của nguyên đơn: Bà Nguyễn Đức Thạch D – Chức vụ: Tổng giám đốc Ngân hàng;

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Ông Trần Minh S – Chức vụ: Giám đốc Ngân hàng TMCP S - Chi nhánh An Giang (Theo giấy ủy quyền số 3977/2020/QĐ-PL ngày 28/12/2020 của Ngân hàng);

Người được ủy quyền lại: Ông Phạm Minh Th – Chức vụ: Phó trưởng phòng giao dịch Ngân hàng TMCP S T– Chi nhánh An Giang (Theo giấy ủy quyền ngày 07/7/2021);

- Bị đơn: Anh Trần Ngọc B, sinh năm 1986; Địa chỉ: Ấp P, xã P1, thị xã T, tỉnh An Giang.

Anh Th đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn, có mặt; anh B vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện ngày 07/07/2021 của TMCP Sài Gòn Thường Tín (Sbank), lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, người được ủy quyền của nguyên đơn anh Phạm Minh Th trình bày:

Ngày 06/03/2019, Ngân hàng TMCP S – Chi nhánh An Giang – PGD T với anh B ký kết Giấy đề nghị vay vốn kiêm hợp đồng tín dụng kiêm giấy nhận nợ số LD1906500640, theo đó Ngân hàng cho anh B vay vốn với số tiền vay là 80.000.000 đồng (*tám mươi triệu đồng*), mục đích vay: Tiêu dùng, Lãi suất 0,75%/tháng (9%/năm), thời hạn vay 60 tháng, phương thức trả nợ: Trả vốn và lãi hàng tháng.

Từ khi nhận nợ, anh B đã thanh toán được tổng số tiền vốn, lãi là 27.062.000 đồng (*hai mươi bảy triệu không trăm sáu mươi hai nghìn đồng*). Nhưng từ ngày 01/06/2020 đến nay, anh B không thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng. Tính đến ngày 07/07/2021, anh B còn nợ Ngân hàng số tiền 73.587.675 đồng (*bảy mươi ba triệu, năm trăm tám bảy nghìn, sáu trăm bảy lăm đồng*), trong đó vốn là 61.338.000 đồng (*sáu mươi một triệu, ba trăm ba mươi tám nghìn đồng*), lãi là 12.249.675 đồng (*mười hai triệu, hai trăm bốn mươi chín nghìn sáu trăm bảy mươi lăm đồng*).

Nay, Ngân hàng khởi kiện yêu cầu anh Trần Ngọc B có trách nhiệm trả cho Ngân hàng tổng số tiền tạm tính đến ngày 29/09/2022 là 74.799. 975 (*bảy mươi bốn triệu bảy trăm chín mươi chín nghìn chín trăm bảy mươi lăm*) đồng, trong đó, nợ gốc là 61.338.000 đồng (*sáu mươi một triệu, ba trăm ba mươi tám nghìn đồng*), nợ lãi là 13.461.975 (*mười ba triệu, bốn trăm sáu mươi một nghìn chín trăm bảy mươi lăm*) đồng và tiền lãi tiếp tục phát sinh theo Hợp đồng tín dụng ký kết ngày 30/09/2022 cho đến khi tất toán khoản vay.

Để chứng minh cho yêu cầu, đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn cung cấp các tài liệu, chứng cứ: Tờ tự khai ngày 07/07/2021; Bản sao kê bảng tính lãi từ ngày 06/03/2019 đến 31/05/2021; Bản sao giấy ủy quyền ngày 07/7/2021; Bản sao Quyết định ủy quyền số 3977/2020/QĐ-PL ngày 28/12/2020 của Ngân hàng; Bản sao Quyết định điều động và bổ nhiệm nhân sự số 2206/2020/QĐ-NS ngày 04/5/2020 của Ngân hàng; Bản sao báo cáo chi tiết quan hệ tín dụng số 2019/S11A của Trung tâm thông tin tín dụng quốc gia Việt Nam – NHNN Việt Nam; Bản sao giấy đề nghị vay vốn của cán bộ nhân viên Sacobank kèm phụ lục; Bản sao giấy đề nghị vay vốn kiêm Hợp đồng tín dụng kiêm giấy nhận nợ số LD1906500640 ngày 06/3/2021; Bản sao sổ hộ khẩu và chứng minh thư Trần Ngọc B.

Tòa án đã tiến hành tổng đạt Thông báo thụ lý vụ án số 293/TB-TLVA ngày 23/02/2022 và các văn bản tố tụng khác cho anh Trần Ngọc B theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Quá trình tố tụng, Tòa án tiến hành xác minh tình trạng cư trú của anh B tại Công an xã P1, thị xã T, tỉnh An Giang, cụ thể:

Công an xã P1, thị xã T, tỉnh An Giang cung cấp: Dương sự Trần Ngọc B sinh năm 1986, có đăng ký thường trú tại ấp P, xã P1, thị xã T, tỉnh An Giang.

Lời khai của bà Lê Thị Mỹ D – Chủ tịch ban chấp hành Công đoàn xã P1 cung cấp: Anh Trần Ngọc B sinh năm 1986, đăng ký thường trú tại ấp P, xã P1, thị xã T, tỉnh An Giang, trước đây có công tác tại UBND xã P1 (vị trí: địa chính xã), anh B chưa là công chức xã, làm việc tại UBND xã P1 theo hình thức Hợp đồng lao động. Quá trình công tác tại UBND xã P1, bà D có ký cho anh B (ký bảo lãnh) theo thủ tục Ngân hàng TMCP S – PGD T để B được vay vốn số tiền 80.000.000 đồng và B đã nhận tiền vay từ Ngân hàng TMCP S – PGD T thì bà D khinh biết. Sau khi nhận tiền vay, B trả nợ vốn gốc và lãi cho Ngân hàng TMCP S – PGD T như thế nào thì bà D không biết. Hiện nay, B đã nghỉ việc ở UBND xã P1.

Ý kiến của Kiểm sát viên:

+ Về tuân theo pháp luật tố tụng:

Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Thư ký trong thời gian chuẩn bị xét xử đúng pháp luật. Thẩm phán được phân công thụ lý giải quyết vụ án đã thực hiện đúng, đầy đủ quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án tại phiên tòa đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về xét xử sơ thẩm vụ án.

Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của pháp luật. Bị đơn vắng mặt lần thứ hai không lý do, Hội đồng xét xử vắng mặt bị đơn phù hợp tại Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về giải quyết vụ án, việc giao kết hợp đồng vay tài sản giữa các bên có làm giấy đề nghị vay vốn kiêm hợp đồng tín dụng kiêm giấy nhận nợ số LD1906500640 ngày 06/03/2019 giữa Ngân hàng TMCP S – Chi nhánh An Giang – PGD T với anh Trần Ngọc B. Theo đó Ngân hàng có cho anh B vay vốn với tổng số tiền là 80.000.000 đồng. Mục đích vay tiêu dùng, lãi suất 0,75%/tháng, phương thức trả nợ là trả vốn – lãi hàng tháng. Từ khi nhận nợ anh Trần Ngọc B đã thanh toán được tổng số tiền vốn lãi 27.062.000 đồng. Từ ngày 01/06/2020 đến nay anh B không thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng là vi phạm hợp đồng.

Nay ông Phạm Minh Th đại diện Ngân hàng TMCP S yêu cầu anh B trả nợ cho Ngân hàng TMCP S tổng số tiền tạm tính đến ngày 29/09/2022 là 74.799.975 đồng. Trong đó vốn gốc là 61.338.000 đồng, lãi trong hạn là 7.800.000 đồng, lãi quá hạn 3.900.000 đồng và lãi phạt trễ hạn là 1.761.975 đồng. Đồng thời tính lãi phát sinh từ ngày 30/09/2022 theo hợp đồng tính dụng

cho đến khi tất toán nợ vay, anh B phải chịu án phí và các chi phí có liên quan trong quá trình giải quyết vụ án. Xét chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn là có cơ sở.

Căn cứ Điều 463, Điều 466 Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 91, Điều 95 Luật tổ chức tín dụng năm 2010; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326 ngày 30/12/2016 của Ủy Ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, đề nghị:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP S (Sbank), buộc anh B trả nợ cho Ngân hàng TMCP S tổng số tiền tạm tính đến ngày 29/09/2022 là 74.799.975 đồng. Trong đó vốn gốc là 61.338.000 đồng, lãi trong hạn là 7.800.000 đồng, lãi quá hạn 3.900.000 đồng và lãi phạt trễ hạn là 1.761.975 đồng. Đồng thời tính lãi phát sinh từ ngày 30/09/2022 theo hợp đồng tính dụng cho đến khi tất toán nợ vay.

Đương sự phải chịu chi phí tố tụng và án phí theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

**** Về tố tụng:***

[1] Thời hiệu khởi kiện: Hợp đồng tín dụng giữa Ngân hàng với anh B được ký kết ngày 06/03/2019, thời hạn vay 60 tháng. Đến ngày 07/07/2021, Ngân hàng khởi kiện do anh B vi phạm hợp đồng là còn thời hiệu quy định tại Điều 429 Bộ luật dân sự.

[2] Thẩm quyền giải quyết:

Nguyên đơn có khởi kiện tranh chấp hợp đồng dân sự, vay tài sản (Giấy đề nghị vay vốn kèm hợp đồng tín dụng kèm giấy nhận nợ số LD1906500640) với bị đơn là anh Trần Ngọc B; Địa chỉ: Ấp P, xã P1, thị xã T, tỉnh An Giang nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã T theo quy định tại khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nguyên đơn đã nộp tạm ứng án phí và Tòa án thụ lý giải quyết.

[3] Sự vắng mặt của đương sự: Bị đơn anh Trần Ngọc B được tổng đạt hợp lệ văn bản tố tụng của Tòa án, nhưng vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án vắng mặt bị đơn như theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự.

**** Về nội dung:***

[1] Giấy đề nghị vay vốn kèm hợp đồng tín dụng kèm giấy nhận nợ số LD1906500640 ngày 06/03/2019 giữa Ngân hàng TMCP S với anh Trần Ngọc

B được lập thành văn bản và ký kết trên cơ sở tự nguyện, hình thức và nội dung hợp đồng không trái quy định của pháp luật, không trái đạo đức xã hội, nên phát sinh quyền và nghĩa vụ của các bên theo hợp đồng.

[2] Vốn vay: Ngân hàng đã thực hiện đúng các thỏa thuận trong hợp đồng và giải ngân, anh B vay và đã nhận 80.000.000 đồng. Sau khi vay, anh B không thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng theo Giấy đề nghị vay vốn kèm hợp đồng tín dụng kèm giấy nhận nợ số LD1906500640 ngày 06/03/2019. Ngân hàng yêu cầu anh B phải trả nợ gốc 61.338.000 đồng là có căn cứ, phù hợp quy định tại Điều 463, Điều 466 Bộ luật Dân sự. Xét, chấp nhận.

[3] Tiền lãi: Giấy đề nghị vay vốn kèm hợp đồng tín dụng kèm giấy nhận nợ số LD1906500640 ngày 06/03/2019, Ngân hàng với anh B đã có thỏa thuận về mức lãi suất, cụ thể: 9%/năm, kỳ trả lãi: 30 hoặc 31 dương lịch hàng tháng.

Theo quy định tại Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010: *“Tổ chức tín dụng và khách hàng có quyền thỏa thuận về lãi suất, phí cấp tín dụng trong hoạt động ngân hàng của tổ chức tín dụng theo quy định của pháp luật”*. Việc thỏa thuận mức lãi suất, cách tính lãi suất nêu trên do Ngân hàng với anh B tự thỏa thuận đã được thực hiện đúng quy định tại Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010 và sự thỏa thuận giữa các đương sự phù hợp theo quy định tại Điều 466 và Điều 468 Bộ luật dân sự.

Ngân hàng yêu cầu anh B phải thanh toán nợ lãi 13.461.975 (*mười ba triệu, bốn trăm sáu mươi một nghìn chín trăm bảy mươi lăm*) đồng. Trong đó, nợ lãi trong hạn là 7.800.000 (*bảy triệu tám trăm*) đồng, lãi quá hạn 3.900.000 (*ba triệu chín trăm*) đồng và phạt quá hạn là 1.761.975 (*một triệu bảy trăm sáu mươi một nghìn chín trăm bảy mươi lăm*) đồng và tiếp tục trả lãi phát sinh sau ngày 30/09/2022 cho đến khi tất toán khoản vay. Xét, chấp nhận.

[4] Buộc anh B phải có trách nhiệm trả vốn gốc và tiền lãi cho Ngân hàng, cụ thể:

- Nợ lãi 13.461.975 (*mười ba triệu, bốn trăm sáu mươi một nghìn chín trăm bảy mươi lăm*) đồng. Trong đó, nợ lãi trong hạn là 7.800.000 (*bảy triệu tám trăm*) đồng, lãi quá hạn 3.900.000 (*ba triệu chín trăm*) đồng và phạt quá hạn là 1.761.975 (*một triệu bảy trăm sáu mươi một nghìn chín trăm bảy mươi lăm*) đồng;

- Vốn gốc: 61.338.000 (*sáu mươi một triệu, ba trăm ba mươi tám nghìn*) đồng.

“Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm bị đơn còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho ngân hàng cho vay theo quyết định của

Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của ngân hàng cho vay”.

[5] Án phí: Nguyên đơn được chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện nên không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, hoàn trả tạm ứng án phí cho nguyên đơn.

Anh Trần Ngọc B phải chịu 3.740.000 (ba triệu bảy trăm bốn mươi nghìn) đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Theo quy định khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[7] Quyền kháng cáo bản án: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định tại Điều 271, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 463, Điều 466, Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 91; khoản 2 Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010; Điều 147, khoản 2 Điều 227 Điều 271, Điều 273, Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP S về việc “*Tranh chấp hợp đồng dân sự, vay tài sản*” đối với anh Trần Ngọc B;

Buộc anh Trần Ngọc B có trách nhiệm trả cho Ngân hàng TMCP S:

- Nợ lãi 13.461.975 (mười ba triệu, bốn trăm sáu mươi một nghìn chín trăm bảy mươi lăm) đồng. Trong đó, nợ lãi trong hạn là 7.800.000 (bảy triệu tám trăm) đồng, lãi quá hạn 3.900.000 (ba triệu chín trăm đồng) đồng và phạt quá hạn là 1.761.975 (một triệu bảy trăm sáu mươi một nghìn chín trăm bảy mươi lăm) đồng;

- Vốn gốc: 61.338.000 (sáu mươi mốt triệu, ba trăm ba mươi tám nghìn) đồng.

“Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm bị đơn còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của ngân hàng cho vay”.

Về án phí dân sự sơ thẩm:

Anh Trần Ngọc B phải chịu 3.740.000 (*ba triệu bảy trăm bốn mươi nghìn*) đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Ngân hàng TMCP S không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm; hoàn trả lại cho Ngân hàng số tiền 1.840.000 (*một triệu tám trăm bốn mươi nghìn*) đồng tiền tạm ứng án phí sơ thẩm đã nộp theo biên lai số 0005991 ngày 22 tháng 02 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã T.

Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, Ngân hàng TMCP S có quyền kháng cáo để yêu cầu Toà án nhân dân tỉnh An Giang xét xử phúc thẩm.

Riêng thời hạn kháng cáo của anh B là 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND TX. Tân Châu (2);
- TAND tỉnh An Giang (1);
- Hội thẩm nhân dân (2);
- CC.THADS TX. Tân Châu (1);
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ (1),
- Lưu văn phòng (1).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Thùy Dương